

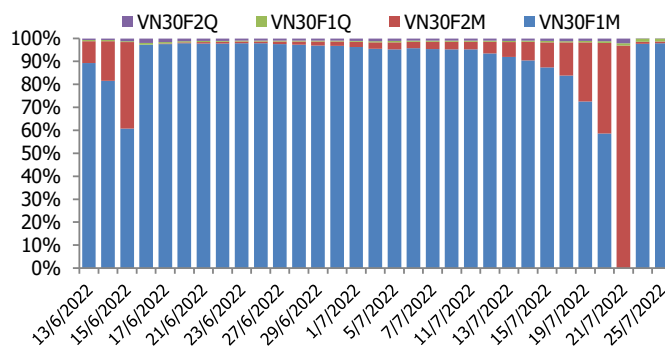
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2208 | 18/8/2022    | 24      | 1221.90  | 39,954 |
| VN30F2209 | 15/9/2022    | 52      | 1221.50  | 349    |
| VN30F2212 | 15/12/2022   | 143     | 1219.50  | 494    |
| VN30F2303 | 16/3/2023    | 234     | 1218.70  | 31     |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh tiếp tục có phiên giao dịch giằng co khi 4 HĐTL đóng cửa với mức dao động từ -5,2 điểm đến -3,7 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 6,24 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng kỳ hạn gần cải thiện so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2208 tăng lên -0,7 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2209 tăng lên -1,10 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm mạnh so với phiên liền trước, đạt 187.287 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 08 với 425 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 8.245 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở nỗ lực phục hồi trong phiên đầu tuần nhưng không thành công, thanh khoản khớp lệnh sàn HOSE giảm xuống dưới ngưỡng 10.000 tỷ đồng có thể là nguyên nhân chính khiến thị trường giảm điểm trong phiên đầu tuần. Khối ngoại tiếp tục là điểm sáng trong phiên khi họ vẫn duy trì mạch mua ròng. Tuần này, thị trường tài chính Mỹ sẽ đón nhận nhiều thông tin quan trọng, bao gồm kết quả cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) vào giữa tuần và tiếp đó là số liệu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) vào hôm thứ Năm. Trong kịch bản Fed tiếp tục nâng lãi suất 0,75 điểm phần trăm sẽ không tạo tính bất ngờ cho thị trường, ngược lại mức lãi suất được nâng lên 1 điểm phần trăm có thể khiến chứng khoán thế giới biến động mạnh.
- Dựa trên đồ thị ngắn hạn của VN30F1M cho thấy sự thiếu vắng của dòng tiền lớn khiến độ lệch giữa VN30F1M và VN30-Index liên tục xoay chiều, từ dương sang âm và ngược lại, thể hiện sự thiếu ổn định. Khi dòng tiền yếu mà xu hướng giá chưa hình thành thì việc mở vị thế nắm giữ dài hạn các hợp đồng tương lai khó có thể là chiến lược được ưu tiên cho tuần này. Phương án mở vị thế mua hợp lý cho nhà đầu tư là khi giá tiệm cận về ngưỡng hỗ trợ 1212-1216 điểm và quản trị rủi ro ở 1205 điểm, hướng về mức giá mục tiêu là ngưỡng cản 1230-1236 điểm. Vị thế bán sẽ được kích hoạt khi giá tăng lên 1230-1236 điểm và quản trị rủi ro tại 1242 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

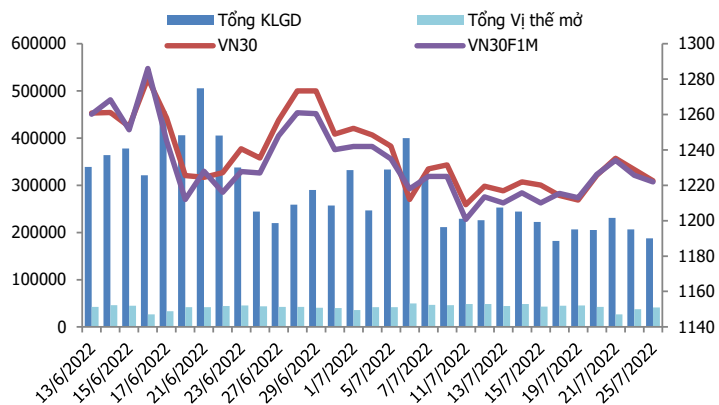
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1229-1232 điểm hoặc 1240-1243 điểm. Chiến lược Long được xem xét mở ra trong các nhịp rung lắc, đặc biệt quan sát những sự tích lũy quanh các vùng 1220-1223 điểm hoặc thấp hơn ở vùng 1212-1216 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

### Chiến lược giao dịch spread

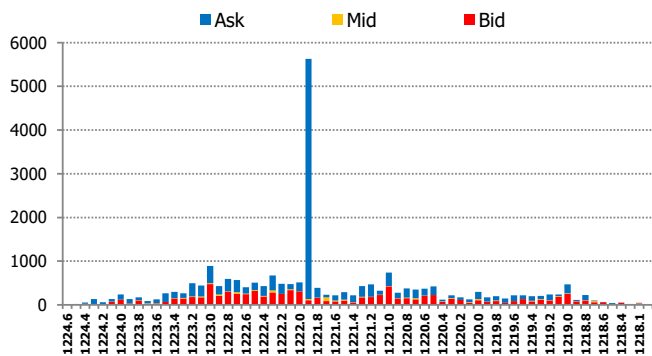
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá    | % Chg | KLGĐ    | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2208   | 1221.9 | -0.30 | 187,038 | -9.3  | 39,954 | 9.6   |
| VN30F2209   | 1221.5 | -0.31 | 175     | -49.7 | 349    | 4.5   |
| VN30F2212   | 1219.5 | -0.34 | 57      | -28.8 | 494    | -5.0  |
| VN30F2303   | 1218.7 | -0.42 | 17      | -67.9 | 31     | 24.0  |
| <b>Tổng</b> |        |       | 187,287 | -9.4  | 40,828 | 9.3   |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL**

- Thị trường phái sinh tiếp tục có phiên giao dịch giằng co khi 4 HĐTL đóng cửa với mức dao động từ -5,2 điểm đến -3,7 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 6,24 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 9,39% so với phiên liền trước, đạt 187.287 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 08 với 187.038 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 08 với 425 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 8.245 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2208 là 1.223,64 điểm (cao hơn 1,74 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2209 là 1.224,85 điểm (+3,35 điểm), VN30F2212 là 1.228,8 điểm (+9,3 điểm) và VN30F2303 là 1.232,77 điểm (+14,07 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

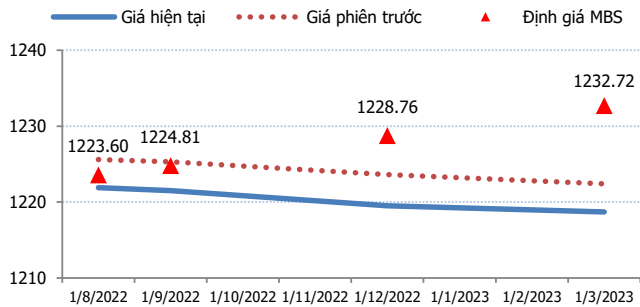
| Khung thời gian | 15m              | 1h               | Daily            |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Tổng kết</b> | <b>SELL</b>      | <b>NEUTRAL</b>   | <b>SELL</b>      |
| <b>Hỗ trợ</b>   | <b>1216-1219</b> | <b>1208-1212</b> | <b>1186-1190</b> |
| <b>Kháng cự</b> | <b>1229-1232</b> | <b>1240-1243</b> | <b>1280-1320</b> |

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**



| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-    | MA5   |
|-------------------|----------|-------------|--------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -0.4     | -0.30       | -0.1   | -2.7  |
| VN30F1Q - VN30F1M | -2.4     | -2.00       | -0.4   | -3.44 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -2       | -1.70       | -0.3   | -0.74 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -3.2     | -3.20       | -2E-13 | -4.32 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -2.8     | -2.90       | 0.1    | -1.62 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -0.8     | -1.20       | 0.4    | -0.88 |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**

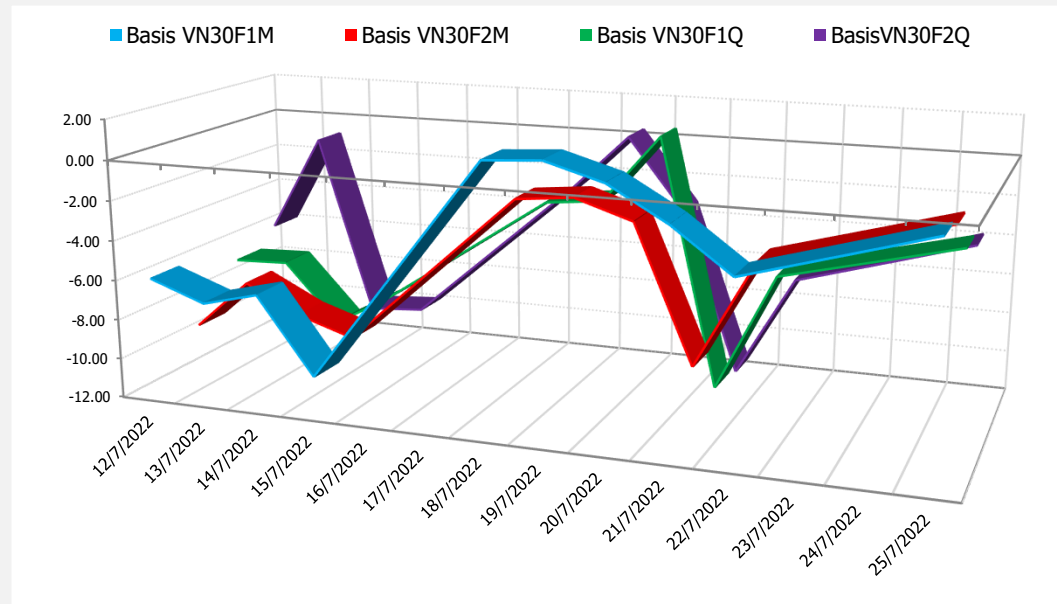


**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

- Basis của các hợp đồng kỳ hạn gần cải thiện so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2208 tăng lên -0,7 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2209 tăng lên -1,10 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.

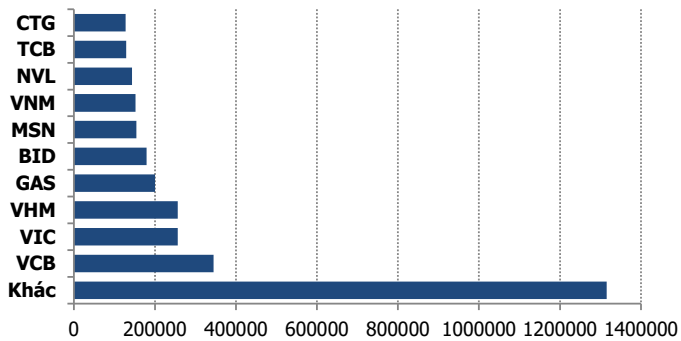
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -3,2 điểm đến -0,4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2208-VN30F2207) giảm đi 0,1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

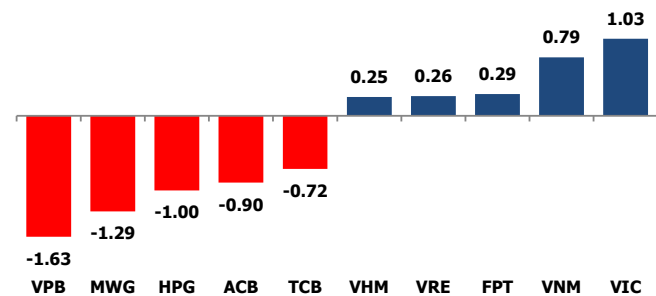


|                              | VNIndex  | VN30     |
|------------------------------|----------|----------|
| <b>Đóng cửa</b>              | 1188.5   | 1222.6   |
| <b>Thay đổi</b>              | -6.26    | -6.24    |
| <b>%Chg</b>                  | -0.52    | -0.51    |
| <b>YTD</b>                   | -20.68   | -20.39   |
| <b>Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)</b> | 4,721.50 | 3,260.63 |
| <b>P/E</b>                   | 12.61    | 10.57    |
| <b>P/B</b>                   | 1.98     | 2.04     |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (20) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (9) và 1 mã đứng tham chiếu. VPB và MWG trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,63 điểm và -1,29 điểm; ngoài ra HPG, ACB hay TCB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 6,24 điểm (-0,51%) xuống 1.222,6 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 109,74 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 3.859 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp với 126,92 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như FPT (+84 tỷ đồng), MWG (+69 tỷ đồng), VNM (+22 tỷ đồng), LPB (+19 tỷ đồng), SSI (+17 tỷ đồng).

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



| Chỉ số            | Điểm số   | %Chg   | P/E   | YTD     |
|-------------------|-----------|--------|-------|---------|
| <b>VNIndex</b>    | 1,188.50  | (0.52) | 12.61 | (20.68) |
| <b>Dow Jones</b>  | 31,990.04 | 0.28   | 17.89 | (11.97) |
| <b>S&amp;P500</b> | 3,966.84  | 0.13   | 19.96 | (16.77) |
| <b>Nikkei 225</b> | 27,602.40 | (0.35) | 19.44 | (4.13)  |
| <b>Shanghai</b>   | 3,250.39  | (0.60) | 13.26 | (10.70) |
| <b>DAX</b>        | 13,210.32 | (0.33) | 11.88 | (16.84) |
| <b>Vàng</b>       | 1,726.00  | 0.36   |       | (5.64)  |
| <b>Dầu WTI</b>    | 97.27     | 0.59   |       | 29.33   |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|   | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---|----------|--------|---------|
| <b>Thứ Hai - 25/07/2022</b>                               |          |        |         |
| Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (Tháng 7)          | 92.2     | 90.2   | 88.6    |
| <b>Thứ Ba - 26/07/2022</b>                                |          |        |         |
| Mỹ - Niềm tin tiêu dùng của CB (Tháng 7)                  | 98.7     | 97.3   |         |
| Mỹ - Doanh số bán nhà mới (Tháng 6)                       | 696K     | 664K   |         |
| <b>Thứ Tư - 27/07/2022</b>                                |          |        |         |
| Úc - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 2)         | 2.1%     | 1.8%   |         |
| Mỹ - Đơn đặt hàng hoá lâu bền lõi (tháng/tháng) (Tháng 6) | 0.7%     | 0.3%   |         |
| Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 6)         | 0.7%     | -1.5%  |         |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô                                       | -0.446M  |        |         |
| Mỹ - Quyết định lãi suất                                  | 1.75%    | 2.50%  |         |
| <b>Thứ Năm - 28/07/2022</b>                               |          |        |         |
| Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 6)              | 0.9%     | 0.5%   |         |
| Mỹ - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 2)                           | -1.6%    | 0.4%   |         |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu                  | 251K     | 253K   |         |
| <b>Thứ Sáu - 29/07/2022</b>                               |          |        |         |
| Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 7)                      | 133K     | 15K    |         |
| Đức - GDP (quý/quý) (Quý 2)                               | 0.2%     | 0.1%   |         |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 7)  | 8.6%     | 8.7%   |         |
| Mỹ - Chỉ số giá PCE lõi (tháng/tháng) (Tháng 6)           | 0.3%     | 0.5%   |         |
| Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 5)                 | 0.3%     | -0.2%  |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Chứng khoán Mỹ dao động nhẹ khi nhà đầu tư chuẩn bị cho tuần bận rộn nhất trong mùa báo cáo kết quả kinh doanh, cũng như khả năng nâng lãi suất từ Fed. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 nhích 0,1% lên 3.966,84 điểm. Chỉ số Dow Jones cộng 90,75 điểm (+0,3%) lên 31.990,04 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite lùi 0,4% xuống 11.782,67 điểm. Cả 3 chỉ số chính đều chuẩn bị hướng đến tháng tăng mạnh nhất từ đầu năm đến nay.
- Giá dầu tăng 2 USD/thùng, được thúc đẩy bởi lo ngại nguồn cung, đồng USD giảm và thị trường chứng khoán tăng mạnh, song mức tăng bị hạn chế bởi lo ngại nhu cầu nhiên liệu có thể suy giảm nếu Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất quá mạnh. Chốt phiên, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2022 tăng 1,95 USD (+1,9%) lên 105,15 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 2 USD (+2,1%) lên 96,7 USD/thùng.
- Giá vàng giảm do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng trở lại, trong khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dự kiến sẽ tăng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản vào cuối tuần này. Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,4% xuống 1.719,49 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2022 trên sàn New York giảm 0,5% xuống 1.719,1 USD/ounce.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VPB, MWG và HPG là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, VPB gây ảnh hưởng -1,63 điểm tới chỉ số VN30.



**DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30**

| Cổ phiếu | Ngành  | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD    | Điểm tác động | PE       | PB   |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|------|
| VPB      | Banks  | 7.36         | 27,650  | -1.78 | 1.81% | 217.364 | -1.63         | 7.14     | 1.41 |
| TCB      | Banks  | 7.18         | 36,800  | -0.81 | 0.95% | 86.372  | -0.72         | 6.74     | 1.32 |
| VIC      | Real Estate Management & Development                 | 7.12         | 67,300  | 1.20  | 1.35% | 50.642  | 1.03          | #N/A N/A | 2.45 |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components       | 6.81         | 85,400  | 0.35  | 2.23% | 193.826 | 0.29          | 19.89    | 4.85 |
| VHM      | Real Estate Management & Development                 | 6.10         | 58,900  | 0.34  | 1.03% | 72.338  | 0.25          | 6.70     | 1.98 |
| HPG      | Metals & Mining                                      | 5.99         | 21,900  | -1.35 | 2.29% | 454.971 | -1.00         | 3.82     | 1.29 |
| ACB      | Banks  | 5.90         | 24,050  | -1.23 | 2.09% | 44.722  | -0.90         | 7.81     | 1.69 |
| MWG      | Specialty Retail                                     | 5.55         | 63,300  | -1.86 | 4.94% | 256.635 | -1.29         | 18.01    | 4.14 |
| MSN      | Food Products  | 5.29         | 108,600 | 0.09  | 5.30% | 50.29   | 0.06          | 15.42    | 5.60 |
| VNM      | Food Products  | 5.21         | 72,900  | 1.25  | 1.53% | 89.764  | 0.79          | 16.61    | 4.73 |
| MBB      | Banks  | 4.49         | 25,250  | -1.17 | 1.39% | 92.163  | -0.65         | 6.97     | 1.49 |
| NVL      | Real Estate Management & Development                 | 4.30         | 73,700  | -0.27 | 1.36% | 93.072  | -0.14         | 33.99    | 3.94 |
| STB      | Banks  | 3.50         | 22,850  | -0.65 | 2.19% | 153.056 | -0.28         | 10.92    | 1.21 |
| VCB      | Banks  | 3.24         | 72,900  | 0.55  | 1.67% | 70.034  | 0.22          | 15.01    | 2.95 |
| VJC      | Airlines   | 2.91         | 125,800 | 0.16  | 1.04% | 72.819  | 0.06          | 348.03   | 3.99 |
| HDB      | Banks  | 2.81         | 23,600  | -0.84 | 1.06% | 18.798  | -0.29         | 7.34     | 1.52 |
| TPB      | Banks  | 2.04         | 27,400  | -2.32 | 2.20% | 37.548  | -0.59         | 8.28     | 1.58 |
| PNJ      | Textiles, Apparel & Luxury Goods                     | 1.99         | 113,200 | -1.14 | 1.42% | 23.275  | -0.28         | 20.80    | 3.43 |
| VRE      | Real Estate Management & Development                 | 1.89         | 26,300  | 1.15  | 1.74% | 30.627  | 0.26          | 65.60    | 1.93 |
| SSI      | Capital Markets                                      | 1.82         | 20,450  | -2.15 | 3.69% | 376.897 | -0.49         | 7.20     | 1.44 |
| CTG      | Banks  | 1.64         | 26,600  | -1.12 | 1.88% | 59.5    | -0.23         | 10.40    | 1.31 |
| KDH      | Real Estate Management & Development                 | 1.43         | 36,300  | -0.55 | 1.52% | 19.327  | -0.10         | 21.27    | 2.45 |
| PDR      | Capital Markets                                      | 1.20         | 52,400  | 0.38  | 1.74% | 73.517  | 0.06          | 18.87    | 4.82 |
| SAB      | Food Products  | 1.00         | 165,000 | -0.60 | 1.84% | 21.604  | -0.07         | 27.64    | 4.94 |
| GAS      | Gas Utilities  | 0.86         | 104,700 | -2.88 | 4.89% | 58.081  | -0.31         | 20.49    | 3.67 |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.66         | 13,150  | 0.00  | 1.92% | 101.471 | 0.00          | 15.32    | 1.06 |
| BID      | Banks  | 0.61         | 35,400  | -0.28 | 3.16% | 42.162  | -0.02         | 15.62    | 2.07 |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                          | 0.45         | 41,100  | -1.67 | 2.70% | 19.29   | -0.09         | 21.07    | 2.05 |
| BVH      | Beverages  | 0.35         | 55,400  | -1.60 | 3.29% | 71.605  | -0.07         | 21.91    | 1.90 |
| GVR      | Real Estate Management & Development                 | 0.31         | 22,800  | -2.98 | 3.07% | 27.512  | -0.12         | 20.75    | 1.84 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | -Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất   |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45<br><b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30<br><b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45                                      |
|     | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
|     | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## **KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

|                |                          |  |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:long.dinhviet@mbs.com.vn">long.dinhviet@mbs.com.vn</a> |